



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ ĐỊNH LƯỢNG TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI NGÀNH ĐỒ UỐNG CÓ CÒN

**BÁO CÁO
CUỐI CÙNG**

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
Tháng 5/2022

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	2
DANH MỤC HÌNH	2
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
NỘI DUNG TÓM TẮT	4
MỞ ĐẦU	7
1. Sự cần thiết của nghiên cứu.....	7
2. Mục tiêu của nghiên cứu	8
3. Phạm vi và phương pháp nghiên cứu của báo cáo	8
3.1. Phạm vi nghiên cứu.....	8
3.2. Phương pháp nghiên cứu.....	9
4. Kết cấu của báo cáo nghiên cứu.....	9
PHẦN 1: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU SỬA ĐỔI/BỔ SUNG LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI NGÀNH ĐỒ UỐNG CÓ CÒN TẠI VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN TỚI	10
1.1. Định hướng.....	10
1.2. Mục tiêu.....	11
PHẦN 2: PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG HÓA VÀ KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG CÁC KỊCH BẢN ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI NGÀNH ĐỒ UỐNG CÓ CÒN TẠI VIỆT NAM	15
2.1. Tổng quan về phương pháp lượng hóa tác động.....	15
2.1.1. Phương pháp nghiên cứu.....	15
2.1.2. Các kịch bản thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam	17
2.2. Các kết quả tác động đạt được	20
2.2.1. Đối với toàn ngành đồ uống có cồn	20
PHẦN 3: KHUYẾN NGHỊ CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI ĐỐI VỚI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI NGÀNH ĐỒ UỐNG CÓ CÒN TẠI VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI.....	23
3.1. Bối cảnh mới tác động đến thị trường và cơ chế quản lý Nhà nước đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam.....	23

3.2. Khuyến nghị chính sách và đề xuất sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam.....	26
3.2.1. Xác định phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt và sắc thuế phù hợp trong từng giai đoạn	26
3.2.2. Các giải pháp khác	29
KẾT LUẬN	31
TÀI LIỆU THAM KHẢO	33
Phụ lục 1: Các quốc gia đang sử dụng phương pháp thuế hỗn hợp và tuyệt đối	34
Phụ lục 2: Mô hình thuế của trường đại học Charles Sturt đối với thị trường đồ uống có cồn tại Việt Nam.....	35

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Tổng hợp các Kịch bản đề xuất sửa đổi thuế TTĐB	19
Bảng 2. Lợi thế và hạn chế của các phương pháp thuế.....	26

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Bảng giao diện với các thông tin đầu vào của các kịch bản sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam.....	16
Hình 2. Quy mô sản lượng tiêu thụ ngành đồ uống có cồn đến năm thứ tư tại Kịch bản cơ sở và Kịch bản 1 (tỷ lít)	20
Hình 3. Tổng NSNN phải nộp trong 4 năm của ngành đồ uống có cồn (khi Kịch bản 1-5 có mức giảm sản lượng tiêu thụ giống nhau)	21

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA ĐẦY ĐỦ
1.	AIDS	Almost Ideal Demand System (Hệ thống hàm cầu gần như lý tưởng)
2.	CIEM	Central Institute for Economic Management (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)
3.	GSO	General Statistics Office of Vietnam (Tổng cục Thống kê)
4.	IWSR	International Wine & Spirit Research (Tổ chức Nghiên cứu Rượu Quốc tế)
5.	LPA	Litres of pure alcohol (Lít cồn nguyên chất)
6.	NSNN	Ngân sách nhà nước
7.	Thuế TTĐB	Thuế tiêu thụ đặc biệt
8.	Thuế VAT	Value-Added Tax (Thuế giá trị gia tăng)

NỘI DUNG TÓM TẮT

Định hướng quản lý Nhà nước về chính sách thuế TTĐB đối với đồ uống có cồn cho thấy 03 nội dung đáng chú ý. Một là, để điều tiết tiêu dùng nhằm giảm các tác động không mong muốn đến sức khỏe người tiêu dùng và cộng đồng, an ninh trật tự xã hội, tai nạn giao thông... do việc lạm dụng đồ uống có cồn. Hai là, đã có chủ trương áp dụng thuế hỗn hợp, song vẫn chưa triển khai. Ba là, phải đảm bảo công bằng cho cả xã hội và doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, hạn chế nguy cơ tăng tiêu thụ hàng buôn lậu và hàng kém chất lượng.

Mục tiêu của chính sách thuế TTĐB đối với đồ uống có cồn tại Việt Nam khá tương đồng với mục tiêu cơ bản tại các quốc gia trên thế giới, trong đó mục tiêu cơ bản nhất vẫn là bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng, điều tiết lượng sử dụng và hạn chế tình trạng lạm dụng rượu/bia. Bên cạnh đó, mục tiêu về đảm bảo bền vững nguồn thu ngân sách Nhà nước cũng được nhấn mạnh.

Tuy nhiên, phương pháp thuế tương đối hiện đang áp dụng đối với đồ uống có cồn tại Việt Nam chưa hiệu quả, xét trên các khía cạnh về giảm tiêu thụ cồn nguyên chất, bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng, cũng như đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước. Mặt khác, phương pháp này không còn phù hợp với xu thế chung của thế giới. Hiện nay trên thế giới, nhiều nước phát triển đã chuyển hoàn toàn sang đánh thuế tuyệt đối (như Úc, Canada, Nhật Bản, Mỹ và hầu hết các nước OECD) và các nước láng giềng và có điều kiện kinh tế tương tự Việt Nam cũng đã chuyển dần sang thuế tuyệt đối hoặc hỗn hợp (như Indonesia, Philippines, Thái Lan và Malaysia) (tham khảo thêm tại Phụ lục 1). Do đó, việc đề xuất áp dụng một hệ thống thuế TTĐB mới đối với ngành đồ uống có cồn là cần thiết, do hệ thống này có thể đáp ứng tốt hơn các mục tiêu quản lý nhà nước đối với ngành đồ uống có cồn.

Nghiên cứu sử dụng mô hình thuế của trường Đại học Charles Sturt¹ xây dựng để lượng hóa 03 nhóm kịch bản đề xuất sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam, bao gồm: (1) tăng thuế suất trong phương pháp thuế tương đối; (2) áp dụng phương pháp tính thuế TTĐB hỗn hợp, kết hợp cả thuế suất tương đối trên giá bán buôn của sản phẩm và thuế suất tuyệt đối trên mỗi lít tiêu thụ (hoặc mỗi lít cồn nguyên chất - LPA); (3) vẫn áp dụng phương pháp tính thuế TTĐB hỗn hợp,

¹ Tuy nhiên, mô hình này không thể tính toán được một cách đầy đủ nguồn thu thuế đối với rượu do không có các số liệu đầu vào tương ứng đối với rượu phi chính thức và rượu lậu. Theo CIEM (2020), khu vực đồ uống có cồn phi chính thức (chưa được ghi nhận) chiếm khoảng 63% tổng khối lượng lít cồn nguyên chất (LPA) và 28% tổng giá trị thị trường đồ uống có cồn tại Việt Nam. Trong đó, rượu thủ công phi chính thức chiếm từ 70 – 90% tổng khối lượng LPA trong khu vực phi chính thức, tương đương khoảng 1.156 triệu USD. Tổng thất về thuế đối với rượu thủ công gây ra vào khoảng 751,6 triệu USD, chiếm 29% tổng tổn thất về thuế từ khu vực phi chính thức.

tuy nhiên sẽ giảm mạnh mức thuế suất tương đối, trong khi tăng mạnh mức thuế suất tuyệt đối trên mỗi lít tiêu thụ (hoặc mỗi lít cồn nguyên chất - LPA).

Tác động định lượng của 03 nhóm kịch bản thuế này sẽ được so sánh với Kịch bản cơ sở² trên các khía cạnh về: (1) sự thay đổi số thu NSNN đối với toàn ngành đồ uống có cồn; (2) sự thay đổi về sản lượng tiêu dùng toàn ngành. Qua đó, thấy được mức độ đáp ứng các mục tiêu quản lý nhà nước mà việc sửa đổi/bổ sung Luật Thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn đặt ra trong thời gian tới.

Kết quả ước lượng cho thấy, bên cạnh việc đảm bảo mục tiêu về giảm sản lượng tiêu thụ các sản phẩm đồ uống có cồn vì sức khỏe cộng đồng, các kịch bản thuế đề xuất đều đáp ứng được mục tiêu về tăng thu ngân sách nhà nước mà Chính phủ đã đề ra tại Chiến lược Cải cách thuế trong giai đoạn 2021-2030, trong đó nhóm kịch bản thứ hai (hoặc thứ ba) cho kết quả vượt trội hơn. Vì vậy, nên được cân nhắc thay thế cho phương pháp thuế TTĐB tương đối như hiện nay bằng Phương pháp thuế TTĐB hỗn hợp, và trong lâu dài hướng tới Phương pháp thuế TTĐB tuyệt đối như đang được áp dụng một cách hiệu quả tại các nước phát triển.

Dựa trên các định hướng của việc sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam, nghiên cứu này đề xuất hai nhóm giải pháp:

(1) Xác định phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt và sắc thuế phù hợp trong từng giai đoạn

+ Xem xét chưa thay đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn. Các doanh nghiệp kinh doanh đồ uống có cồn hiện đang chịu tác động nặng nề của đại dịch COVID-19 và cần được hỗ trợ để khôi phục sản xuất, kinh doanh. Chính phủ và Bộ Tài chính cần có các chính sách hỗ trợ, đặc biệt là về thuế, để giúp doanh nghiệp phục hồi và dần phát triển trở lại thay vì các đề xuất tăng thuế. Điều cần thiết hiện nay là tạo lập môi trường kinh doanh ổn định, dự đoán được, để thúc đẩy sự phục hồi của nền kinh tế trong bối cảnh bình thường mới. Đây cũng là giải pháp để nuôi dưỡng nguồn thu, hướng tới việc tăng thu ngân sách trong dài hạn.

+ Trong trường hợp thay đổi phương pháp tính thuế TTĐB, xem xét áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp thay thế phương pháp thuế tương đối hiện nay theo đúng Chiến lược cải cách thuế giai đoạn 2021-2030 của Bộ Tài chính. Ngoài ra, do hiện tại Việt Nam đang áp dụng phương pháp thuế tương đối nên việc chuyển đổi cần diễn ra theo lộ trình, từng bước để vừa không gây khó khăn về mặt kỹ thuật vừa phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. Nghiên cứu này đề xuất áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp dựa trên số lít cồn nguyên chất - LPA.

² Là kịch bản không có sự thay đổi về phương pháp tính thuế TTĐB, cũng như mức thuế suất TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam.

(2) Các giải pháp khác trong công tác thực thi quản lý việc tiêu thụ đồ uống có cồn để giúp các chính sách thuế TTDB đạt được hiệu quả cao nhất

- + Giám sát và quản lý tốt hơn khu vực đồ uống có cồn phi chính thức;
- + Tăng cường tuyên truyền, khuyến khích tiêu dùng có trách nhiệm;
- + Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt việc xử phạt hành vi lạm dụng đồ uống có cồn gây ảnh hưởng đến xã hội;
- + Chú trọng công tác thực thi chính sách thuế nói riêng và các chính sách điều chỉnh đồ uống có cồn nói chung để thu được hiệu quả như kỳ vọng./.

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của nghiên cứu

Trong báo cáo của CIEM (2020), chính sách thuế TTĐB hiện hành đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam (áp dụng phương pháp thuế tương đối – ad valorem) được đánh giá là chưa hiệu quả, xét trên các khía cạnh về đảm bảo sức khỏe của người tiêu dùng, cũng như đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước. Cụ thể, báo cáo đã chỉ ra rằng chính sách thuế hiện nay không có tác động trực tiếp làm giảm tiêu thụ cồn nguyên chất, thậm chí trong dài hạn còn khuyến khích nhà sản xuất và người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm giá rẻ hơn với lượng cồn nguyên chất cao hơn – dẫn tới nguy cơ cao hơn về an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng, góp phần gây ra sự không công bằng giữa sản phẩm chất lượng cao và chất lượng thấp. Mặt khác, đối với hoạt động thu ngân sách, hệ thống thuế hiện hành không đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách Nhà nước³, mà còn làm tăng chi phí quản lý Nhà nước.

Do đó, việc đề xuất áp dụng một hệ thống thuế TTĐB mới đối với ngành đồ uống có cồn là cần thiết, do hệ thống này có thể đáp ứng được các mục tiêu quản lý Nhà nước đối với ngành đồ uống có cồn hiệu quả hơn. Cụ thể, một hệ thống thuế tuyệt đối sẽ đáp ứng được mục tiêu hạn chế việc lạm dụng đồ uống có cồn tốt hơn, đảm bảo công bằng hơn giữa các sản phẩm, ổn định nguồn thu ngân sách và đòi hỏi chi phí quản lý nhà nước thấp hơn. Trong khi đó, một hệ thống thuế hỗn hợp phức tạp hơn, chi phí quản lý cao hơn nhưng có thể đảm bảo thêm mục tiêu ngăn ngừa người mới sử dụng rượu bia và tăng thu ngân sách. Ngoài ra, phương pháp này cũng giúp tránh tạo ra những cú sốc thuế cho doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Tuy nhiên, các kết luận trên chỉ dừng lại trong các nghiên cứu định tính, mà chưa có một nghiên cứu thực chứng nào để lượng hóa các tác động dự kiến của việc chuyển đổi hệ thống thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn từ tương đối sang hỗn hợp (hoặc tuyệt đối) tại Việt Nam. Việc thiếu các bằng chứng nghiên cứu thực nghiệm sẽ gây khó khăn cho các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc xem xét và quyết định lựa chọn những phương án tính thuế TTĐB hiệu quả hơn đối với ngành đồ uống có cồn.

Với mục tiêu cung cấp các kết quả nghiên cứu định lượng quan trọng, cũng như là tài liệu tham khảo có giá trị để đánh giá các đề xuất sửa đổi tiềm năng đối với Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (dự kiến trình Quốc hội trong thời gian tới), Viện Nghiên

³ Theo CIEM (2020), khu vực đồ uống có cồn phi chính thức (chưa được ghi nhận) chiếm tới 63% tổng khối lượng lít cồn nguyên chất (LPA) và 28% tổng giá trị thị trường đồ uống có cồn tại Việt Nam. Rượu thủ công phi chính thức chiếm từ 70 – 90% tổng khối lượng LPA trong khu vực phi chính thức, tương đương khoảng 1.156 triệu USD. Tồn thất về thuế không thu được từ khu vực rượu thủ công là khoảng 751,6 triệu USD, chiếm 29% tổng tổn thất về thuế từ khu vực phi chính thức. Do đó, mục tiêu tăng thuế để làm giảm tiêu thụ đồ uống có cồn sẽ khó phát huy hiệu quả, thậm chí khiến thị trường đồ uống có cồn bị chiếm lĩnh nhiều hơn bởi các sản phẩm phi chính thức.

cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) đề xuất thực hiện nghiên cứu “*Đánh giá định lượng các tác động của việc thay đổi phương thức tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam*”.

2. Mục tiêu của nghiên cứu

Mục tiêu cuối cùng của nghiên cứu này là kiến nghị đề xuất sửa đổi đối với phương pháp tính thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam trong thời gian tới, cũng như các giải pháp hỗ trợ khác nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả phương pháp tính thuế này.

Để đạt được mục tiêu cuối cùng này, báo cáo cần thực hiện một số mục tiêu cụ thể như sau:

- Xác định rõ quan điểm, mục tiêu và định hướng của các cơ quan quản lý nhà nước đối với việc sửa đổi/bổ sung Luật Thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam trong thời gian tới;

- Lượng hóa tác động của các kịch bản đề xuất sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam. Từ đó, so sánh những ưu điểm, nhược điểm của các kịch bản đề xuất này và mức độ đáp ứng đối với những mục tiêu quản lý Nhà nước mà việc sửa đổi/bổ sung Luật Thuế TTĐB đặt ra trong thời gian tới;

- Từ các kết quả nghiên cứu thực chứng, các đề xuất chính sách sẽ được kiến nghị nhằm tăng cường sự hiệu quả, hiệu lực của Luật Thuế TTĐB sửa đổi đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

3. Phạm vi và phương pháp nghiên cứu của báo cáo

3.1. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Báo cáo nghiên cứu tác động định lượng của các kịch bản đề xuất sửa đổi thuế TTĐB trên phạm vi toàn ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam, phân theo 03 nhóm sản phẩm gồm: bia; rượu từ 20 độ trở lên; rượu dưới 20 độ⁴.

- Về thời gian: Báo cáo sẽ phân tích tác động định lượng của các kịch bản đề xuất sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn trong giai đoạn 04 năm, kể từ khi việc sửa đổi Luật Thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn có hiệu lực.

- Về nội dung: Báo cáo sẽ tập trung nghiên cứu tác động định lượng của các kịch bản đề xuất sửa đổi thuế TTĐB đối với 03 nhóm sản phẩm (gồm bia; rượu từ 20 độ trở lên; rượu dưới 20 độ) trên các khía cạnh về: (1) sự thay đổi tổng thu NSNN

⁴ Việc chia ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam thành 3 nhóm sản phẩm này là nhằm thống nhất với danh mục các hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, được quy định tại Luật số 70/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

(bao gồm thuế nhập khẩu, thuế TTĐB và thuế giá trị gia tăng); (2) sự thay đổi sản lượng tiêu thụ của toàn ngành.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Báo cáo này sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chính. Cụ thể:

- Phương pháp nghiên cứu tại bàn (desk-study): Phương pháp này giúp tổng quan hệ thống các chính sách, nhằm xác định rõ quan điểm, mục tiêu và định hướng của các cơ quan quản lý nhà nước đối với việc sửa đổi/bổ sung Luật Thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam trong thời gian tới

- Phương pháp nghiên cứu định lượng: Phương pháp định lượng được sử dụng nhằm lượng hóa các tác động dự kiến của các kịch bản đề xuất sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam trong thời gian tới. Báo cáo này sẽ sử dụng mô hình thuế do trường Đại học Charles Sturt⁵ xây dựng, thay thế cho phương pháp định lượng phổ biến sử dụng bảng I/O tại Việt Nam⁶.

4. Kết cấu của báo cáo nghiên cứu

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, báo cáo nghiên cứu sẽ gồm 3 phần chính sau:

Phần 1: Định hướng và mục tiêu của sửa đổi/bổ sung Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam trong giai đoạn tới;

Phần 2: Phương pháp lượng hóa và kết quả ước lượng các kịch bản đề xuất sửa đổi thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam;

Phần 3: Khuyến nghị các đề xuất sửa đổi đối với thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam trong thời gian tới.

⁵ Trường đại học Charles Sturt (CSU), nằm tại bang New South Wales, được thành lập năm 1989, là một trong những trường công lập hàng đầu tại Úc. CSU được xếp hạng cao trên thế giới trong một số lĩnh vực như quản lý và khoa học môi trường, hóa phân tích và những hệ thống canh tác và chăn thả. CSU dẫn đầu tại Úc về cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp. Theo 2012 Australian Graduate Survey, 83.9% sinh viên tốt nghiệp trong nước tìm được việc làm trong vòng 4 tháng kể từ khi tốt nghiệp, cao hơn mức trung bình quốc gia 8%. Ngoài ra, CSU đạt đủ 5 sao trong hệ thống xếp hạng 5 sao cho kết quả của sinh viên tốt nghiệp.

⁶ Phương pháp luận cũng như tính phù hợp hơn của mô hình thuế này so với phương pháp định lượng truyền thống sử dụng bảng I/O ở Việt Nam sẽ được trình bày chi tiết tại Phần 2 của báo cáo.

PHẦN 1: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU SỬA ĐỔI/BỔ SUNG LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI NGÀNH ĐỒ UỐNG CÓ CỒN TẠI VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

1.1. Định hướng

Định hướng quản lý Nhà nước về thuế đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam được phản ánh tại 02 nhóm văn bản chính sách gồm: chính sách về thuế và chính sách điều chỉnh một số khía cạnh liên quan đến mặt hàng này. Qua rà soát, tổng hợp các nội dung có ảnh hưởng tới việc quản lý thuế đối với ngành đồ uống có cồn, có thể rút ra 3 nội dung đáng chú ý:

+ *Một là*, định hướng chung của chính sách thuế TTĐB đối với đồ uống có cồn trong thời gian qua và trong tương lai là để điều tiết tiêu dùng, giảm các tác động không mong muốn đến sức khỏe người dùng và cộng đồng, an ninh trật tự xã hội, tai nạn giao thông... do việc lạm dụng đồ uống có cồn;

+ *Hai là*, đã có chủ trương áp dụng thuế hỗn hợp, tuy nhiên trên thực tiễn đến nay vẫn chưa thực hiện;

+ *Ba là*, chính sách thuế TTĐB phải đảm bảo công bằng cho cả xã hội và doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, hạn chế nguy cơ tăng tiêu thụ hàng buôn lậu và hàng kém chất lượng.

Cụ thể, giai đoạn 2011-2020, định hướng chính của việc sửa đổi luật Thuế TTĐB đối với đồ uống có cồn là điều chỉnh mức thuế nhằm điều tiết tiêu dùng, đảm bảo sự hài hòa, phù hợp với thực tiễn của nền kinh tế và xã hội. Ngoài ra, cơ quan quản lý Nhà nước cũng đã có chủ trương áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và thuế suất tuyệt đối⁷, tuy nhiên điều này nhìn chung chưa được triển khai.

Định hướng cho giai đoạn 2021-2030 là tương đồng và tiếp nối định hướng của giai đoạn 2011-2020. Từ Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021-2030 (ban hành tại Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022), hai quan điểm chính có thể thấy là: Xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế và áp dụng thuế hỗn hợp⁸. Chiến

⁷ Chiến lược Cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011) xác định: “Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB để hướng dẫn điều tiết tiêu dùng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng lộ trình điều chỉnh thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu, ô tô... để điều tiết tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; nghiên cứu, bổ sung quy định về giá tính thuế đối với một số trường hợp hợp tác, phân công giữa các nước trong chuỗi sản xuất toàn cầu, bảo đảm điều tiết công bằng giữa hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước và hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu; nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và thuế suất tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế”.

⁸ Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022) xác định “Rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB để hướng dẫn điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội, đồng thời tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia rượu, để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát nghiên cứu điều chỉnh thuế suất một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai

lược cũng xác định cần có mức độ viên hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, góp phần thiết lập môi trường kinh tế cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế.

Ngoài ra, một điểm quan trọng nữa của định hướng chính sách (trong đó có chính sách thuế) là đảm bảo công bằng cho cả xã hội và doanh nghiệp, cũng như đánh giá được chính xác và hạn chế các hệ quả không mong muốn của việc điều chỉnh chính sách thuế TTĐB. Chẳng hạn, chính sách cần phải vừa đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, xã hội và doanh nghiệp, vừa ngăn ngừa lạm dụng đồ uống có cồn⁹. Để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, các giải pháp về thuế cũng cần được tính tới như *“nghiên cứu, áp dụng thuế TTĐB đối với sản phẩm bia dựa trên sản lượng và nồng độ cồn vào thời điểm thích hợp để tránh gian lận, chuyển giá, gây thất thu cho ngân sách nhà nước”*. Và bên cạnh mục tiêu giảm tình trạng lạm dụng rượu, bia thì chính sách thuế còn cần góp phần đẩy lùi tình trạng buôn lậu và tiêu thụ đồ uống kém chất lượng¹⁰.

Để đạt được các mục tiêu, các chính sách, giải pháp đưa ra khá đa dạng, bao gồm xử phạt hành vi lạm dụng đồ uống có cồn; giải pháp thông tin, tuyên truyền... và cả chính sách thuế - với định hướng là khiến cho mức giá cao để hạn chế việc tiêu thụ quá mức. Đích đến cuối cùng là hạn chế lạm dụng rượu, bia và đồ uống có cồn khác gây hại đến sức khỏe của người sử dụng, đến gia đình, cộng đồng và kinh tế - xã hội, nhưng cũng phải hài hòa và đảm bảo công bằng cho tất cả các bên.

1.2. Mục tiêu

Qua rà soát các quy định về thuế TTĐB ban hành các năm 2008, 2014, 2016, có thể thấy mục tiêu cơ bản nhất, nhấn mạnh nhất của chính sách thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam là nhằm điều tiết lượng sử dụng và hạn chế tình trạng lạm dụng. Từ đó sẽ là bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng và đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Mặt khác, tác động đến thu ngân sách cũng được đề cập, nhưng chưa được xem là một mục tiêu quan trọng như giảm lạm dụng đồ uống có cồn. Các mục tiêu của thuế TTĐB đối với đồ uống có cồn được tổng hợp như sau:

đoạn 2021-2030; nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế”.

⁹ Quyết định số 3690/QĐ-BCT ngày 12/9/2016 về quy hoạch phát triển ngành bia, rượu, nước giải khát Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 xác định quan điểm chính là: *“đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, xã hội và doanh nghiệp; đồng thời ngăn ngừa lạm dụng đồ uống có cồn”*. Tuy nhiên, quy hoạch này đã hết hiệu lực từ cuối năm 2018 theo Quyết định số 4977/QĐ-BCT ngày 27/12/2018 về việc bãi bỏ các quy hoạch hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 59, Luật Quy hoạch thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

¹⁰ Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 12/02/2014 về chính sách quốc gia phòng, chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn đến năm 2020 đưa ra một giải pháp là: *“Áp dụng chính sách thuế phù hợp đối với rượu, bia và đồ uống có cồn khác nhằm giảm sử dụng, lạm dụng rượu, bia và đồ uống có cồn khác cũng như hạn chế buôn lậu và sử dụng rượu, bia và đồ uống có cồn khác không đạt tiêu chuẩn”*.

Thứ nhất, mục tiêu chính về điều tiết lượng sử dụng và hạn chế lạm dụng đồ uống có cồn đã được nêu xuyên suốt trong Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (năm 2008) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (năm 2014). Cụ thể:

+ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14/6/2008 hướng tới việc đảm bảo điều tiết hợp lý đối với bộ phận dân cư có thu nhập cao liên quan đến các đối tượng chịu thuế¹¹. Mục tiêu này còn khá chung chung, chưa cụ thể đối với các sản phẩm đồ uống có cồn.

+ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (ngày 26/11/2014)¹² đã xác định rõ thuốc lá, rượu bia là mặt hàng Nhà nước không khuyến khích tiêu dùng do có hại cho sức khỏe. Vì thế, mục tiêu cơ bản nhất được chỉ ra để tăng thuế đối với rượu, bia vẫn là nhằm hạn chế lạm dụng các sản phẩm này.

Thứ hai, mục tiêu nhằm đảm bảo thu ngân sách nhà nước cũng đã được đề cập tới trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (năm 2014). Theo đó, trong 4 mục tiêu, yêu cầu chung của việc soạn thảo Luật này, mục tiêu thứ ba nhấn mạnh đến bảo đảm nguồn thu ngân sách nhà nước¹³.

Thứ ba, một mục tiêu nữa cũng được chú ý gần đây là việc điều chỉnh thuế cần đảm bảo tăng thu ngân sách nhà nước nhưng hài hòa, không ảnh hưởng tiêu cực đến doanh nghiệp.

+ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (năm 2014) đã xem xét tác động của việc điều chỉnh mức thuế đối với doanh nghiệp để đảm bảo sự hài hòa. Báo cáo đánh giá tác động cho rằng do sự gia tăng về mức sống của người dân và mức thuế suất thuế TTĐB hiện hành đối với rượu và bia còn thấp, nên mức tiêu thụ của người dân đối với các sản phẩm này tăng lên. Vì vậy cần phải tăng thuế TTĐB “*để đảm bảo sự hợp lý về mức độ điều tiết, góp phần định hướng sản xuất và hạn chế tiêu dùng hiệu quả hơn*”¹⁴. Sau khi điều chỉnh thuế TTĐB thì hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất trong nước có giảm, nhưng

¹¹https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/tttc/r/m/ts/ts_chitiet?dDocName=BTC333485&dID=31254&afrLoop=4073257340082899#%40%3FdID%3D31254%26_afrLoop%3D4073257340082899%26dDocName%3DBTC333485%26_adf.ctrl-state%3D542hvy8gp_159 (Truy cập ngày 20/9/2021).

¹² Báo cáo Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (kèm theo Tờ trình số 416/TTr-CP ngày 17/10/2014).

¹³ 4 mục tiêu cụ thể là: (1) Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phù hợp với cam kết quốc tế, góp phần định hướng sản xuất, tiêu dùng của xã hội; (2) Kịp thời sửa đổi, bổ sung những vấn đề bất cập so với thực tế, khắc phục những hạn chế của Luật hiện hành, đảm bảo tính thống nhất và ổn định của hệ thống pháp luật; (3) Bảo đảm nguồn thu cho NSNN trên cơ sở động viên hợp lý đối với một số mặt hàng trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục cắt giảm thuế quan theo các cam kết quốc tế và mức động viên từ thuế thu nhập (bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập cá nhân) đã giảm để khuyến khích đầu tư, lao động; (4) Đảm bảo chính sách đơn giản, minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thuế.

¹⁴ Báo cáo Đánh giá tác động Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (kèm theo Tờ trình số 416/TTr-CP ngày 17/10/2014).

sẽ tăng dần lên do quy mô dân số tăng¹⁵, từ đó làm tăng quy mô thị trường chung. Kết quả là doanh thu của ngành vẫn sẽ tăng lên.

+ Đối với Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế (Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016), khác với các Luật về thuế TTĐB trước đó, Luật này chỉ là sửa đổi nên không nhắc lại mục tiêu về điều tiết tiêu dùng, hạn chế lạm dụng đồ uống có cồn. Thay vào đó, mục tiêu chính là đảm bảo công bằng của chính sách thuế đối với các đối tượng khác nhau. Cụ thể, nội dung trọng tâm về thuế TTĐB là *“sửa đổi quy định về giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu để bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước; sửa đổi quy định về giá tính thuế đối với hàng hóa sản xuất trong nước bán hàng qua các khâu trung gian trong nội bộ doanh nghiệp để bảo đảm chính sách minh bạch, rõ ràng”*¹⁶. Tuy nhiên, quy định ban hành mới chỉ tác động đến khu vực đồ uống có cồn chính thức, chứ chưa điều chỉnh khu vực phi chính thức, vốn rất phổ biến ở Việt Nam.

Bên cạnh các Luật trực tiếp điều chỉnh thuế TTĐB nêu trên, có thể thấy cơ quan quản lý nhà nước ngày càng chú trọng đến giảm tác hại của tiêu dùng rượu, bia quá mức thông qua các giải pháp tổng hợp, không chỉ áp dụng mỗi biện pháp thuế. Chẳng hạn, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (Luật số 44/2019/QH14 ngày 14/6/2019) xác định mục tiêu là nhằm: *“phòng chống tác hại rượu bia đối với sức khỏe, xã hội, kinh tế (đặc biệt là tai nạn giao thông, gây rối trật tự công cộng, bạo lực gia đình..) thông qua các biện pháp về giảm mức tiêu thụ rượu, bia; quản lý việc cung cấp, hạn chế tính sẵn có của rượu, bia; giảm tác hại, bảo đảm nguồn lực để phòng chống tác hại rượu bia, góp phần bảo vệ, nâng cao sức khỏe người dân, phòng, chống tai nạn giao thông và các tác động đến kinh tế, xã hội”*¹⁷.

Tóm lại, mục tiêu của chính sách thuế TTĐB đối với rượu, bia tại Việt Nam khá tương đồng với mục tiêu cơ bản tại các quốc gia trên thế giới. Đó là nhằm điều tiết sản lượng tiêu thụ và hạn chế lạm dụng đồ uống có cồn (luôn là mục tiêu chính) và góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Những mục tiêu này tiếp tục được chỉ rõ trong việc cải cách hệ thống thuế giai đoạn 10 năm tiếp theo. Tuy nhiên, qua đánh giá của CIEM (2020), mục tiêu về điều tiết sản lượng tiêu thụ đồ uống có cồn và giảm tỷ lệ người lạm dụng rượu bia giai đoạn 2011-2020 chưa đạt được hiệu quả mong đợi.

¹⁵ <https://tapchitaichinh.vn/co-che-chinh-sach/binh-luan-chinh-sach/du-luat-thue-tieu-thu-dac-biet-duoc-bat-den-xanh-89195.html> (Truy cập ngày 25/9/2021).

¹⁶ Tờ trình số 541/TTr-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế.

¹⁷ Tờ trình số 431/TTr-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ về Dự án Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

Do đó, để đảm bảo đạt được định hướng và mục tiêu trong giai đoạn 2021-2030, cần xem xét đến tổng thể các chính sách và khung khổ pháp lý có tác động đến ngành đồ uống có cồn. Hiện nay, khung khổ pháp lý đối với đồ uống có cồn đã tương đối hoàn chỉnh, chặt chẽ, có thể kể đến như Luật An toàn thực phẩm, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, các Nghị định hướng dẫn thi hành và xử phạt vi phạm hành chính... Tuy nhiên, hiệu quả thực tiễn của nhiều chính sách chưa được như mong muốn do một số nguyên nhân, mà chủ yếu nhất là công tác phổ biến, tuyên truyền còn hạn chế và việc triển khai, giám sát chưa nghiêm.

Bên cạnh đó, tác động của chính sách thuế đến khu vực đồ uống có cồn phi chính thức ít được quan tâm. Nếu như việc điều chỉnh chính sách thuế đối với đồ uống có cồn chỉ tác động đến khu vực chính thức thì khu vực phi chính thức¹⁸ lại không được quản lý một cách chặt chẽ. Hạn chế này tạo điều kiện cho đồ uống có cồn phi chính thức phát triển, trong khi đây lại là những sản phẩm mà Nhà nước chưa kiểm soát được chất lượng, số lượng và là nguyên nhân chính của nhiều trường hợp tai nạn, ngộ độc đáng tiếc. Điều này vừa gây thiệt hại cho ngân sách (do thất thu thuế), vừa không công bằng đối với các nhà sản xuất khu vực chính thức, đồng thời vẫn không giải quyết được tình trạng nhập lậu, hàng nhái, hàng giả.

¹⁸ Chủ yếu là đồ uống có cồn được sản xuất thủ công bởi các hộ sản xuất quy mô nhỏ và sản phẩm buôn lậu.

PHẦN 2: PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG HÓA VÀ KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG CÁC KỊCH BẢN ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI NGÀNH ĐỒ UỐNG CÓ CỒN TẠI VIỆT NAM

2.1. Tổng quan về phương pháp lượng hóa tác động

2.1.1. Phương pháp nghiên cứu

Tổng quan tài liệu trong nước cho thấy các nghiên cứu đánh giá định lượng về tác động của chính sách thuế nói chung và thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn nói riêng là **không nhiều**. Các nghiên cứu trong nước đa phần sử dụng bảng I/O¹⁹. Tuy nhiên, phương pháp này, do hạn chế về cấu trúc dữ liệu của bảng I/O²⁰, sẽ khó phản ánh một cách phù hợp các tác động của các kịch bản sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn.

Do đó, nghiên cứu này sẽ sử dụng mô hình thuế do trường Đại học Charles Sturt xây dựng để lượng hóa các kịch bản đề xuất sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam (chi tiết về phương pháp xây dựng mô hình tại Phụ lục 2). Báo cáo này không hàm ý rằng mô hình thuế này sẽ vượt trội đáng kể so với phương pháp sử dụng bảng I/O. Tuy nhiên, mô hình này sẽ cung cấp các kết quả ước lượng phản ánh một cách phù hợp hơn và sát hơn với những nội dung của các kịch bản đề xuất sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn. Phương pháp này kỳ vọng sẽ bổ sung những hạn chế mà phương pháp định lượng sử dụng bảng I/O không giải quyết được.

Mặc dù vậy, mô hình này (hay phương pháp sử dụng bảng I/O) cũng không thể tính toán được hết tác động đối với việc thu thuế do không có đủ các số liệu đầu vào cần thiết đối với rượu phi chính thức. Theo CIEM (2020), khu vực đồ uống có cồn phi chính thức (chưa được ghi nhận) chiếm tới 63% tổng khối lượng lít cồn nguyên chất (LPA) và 28% tổng giá trị thị trường đồ uống có cồn tại Việt Nam. Trong đó, rượu thủ công phi chính thức chiếm từ 70 – 90% tổng khối lượng LPA trong khu vực phi chính thức, tương đương khoảng 1.156 triệu USD. Tổn thất về thuế đối với rượu thủ công gây ra vào khoảng 751,6 triệu USD, chiếm 29% tổng tổn thất về thuế từ khu vực phi chính thức. Ngoài rượu thủ công, khu vực sản xuất và

¹⁹ Xem chi tiết tại Nguyễn Thị Thu Huyền và cộng sự (2008); Giang Thanh Long và cộng sự (2013); CIEM (2018); Nguyễn Thị Thu Huyền và cộng sự (2020).

²⁰ Cấu trúc dữ liệu của bảng I/O khó có thể phản ánh một cách hợp lý các nội dung của chính sách thuế TTĐB đối với sản phẩm đồ uống có cồn, đặc biệt nếu đây là chính sách thuế TTĐB hỗn hợp. Cụ thể, theo Luật số 70/QH13 ngày 26/11/2014 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, mức thuế suất TTĐB được áp dụng khác nhau cho sản phẩm rượu trên 20 độ và dưới 20 độ. Tuy nhiên, dòng sản phẩm “rượu” trong bảng I/O được gộp chung, không chia tách. Mặt khác, giá trị trong bảng I/O là giá trị tiền mặt (monetary value), không phân tách thành giá trị sản lượng và giá bán. Do đó, phương pháp định lượng sử dụng bảng I/O sẽ rất hạn chế trong việc phản ánh đúng bản chất của kịch bản thuế TTĐB hỗn hợp đối với sản phẩm đồ uống có cồn (trong đó, sẽ có mức thuế suất tuyệt đối được áp dụng trên mỗi lít rượu hoặc mỗi lít LPA tiêu thụ).

nhập khẩu bất hợp pháp chiếm khoảng 20% tổng khối lượng khu vực phi chính thức. Những sản phẩm này gồm các sản phẩm rượu mạnh, bia được buôn lậu từ biên giới và các sản phẩm được làm giả, pha chế. Thực tế, hàng giả và hàng nhập lậu qua biên giới luôn là vấn đề nhức nhối trong quản lý thị trường bia rượu ở Việt Nam. Theo đánh giá của Bộ Y tế, việc nhập lậu rượu, bia chủ yếu được thực hiện qua các tỉnh biên giới Tây Nam và miền Trung. Kèm với đó là các vụ việc làm giả vỏ chai, nút và tem cũng được phát hiện. Tuy nhiên, một số nhận định cho rằng những vụ việc trên chỉ là bề nổi của tảng băng chìm và số lượng rượu bia giả, buôn lậu trên thực tế có thể lớn hơn nhiều.

Nội dung chính của mô hình thuế này là thiết lập các các công thức/mối quan hệ kinh tế giữa các biến số khác nhau (như giá bán buôn, giá bán lẻ các sản phẩm đồ uống có cồn; sản lượng tiêu thụ; các mức thuế suất TTĐB, thuế nhập khẩu, thuế VAT...), nhằm lượng hóa tác động của các kịch bản thuế đối với sự thay đổi về giá của các sản phẩm đồ uống có cồn; về mức độ phản ứng của người tiêu dùng đối với sự thay đổi về giá và từ đó là sự thay đổi về giá trị thu ngân sách nhà nước đối với ngành đồ uống có cồn.

Ưu điểm của mô hình này là có thể dễ dàng và linh hoạt trong việc mô phỏng và kiểm định tác động của các kịch bản thuế nói chung và thuế TTĐB nói riêng đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam. Cụ thể như kịch bản áp dụng thuế TTĐB hỗn hợp bao gồm cả thuế suất tương đối trên giá bán buôn của sản phẩm và thuế suất tuyệt đối dựa trên số lít hoặc số lít cồn nguyên chất (LPA) tiêu thụ.

Báo cáo sử dụng số liệu của IWSR và các báo cáo khác của GSO để ước tính quy mô tiêu dùng cho thị trường đồ uống có cồn tại Việt Nam.

Hình 1. Bảng giao diện với các thông tin đầu vào của các kịch bản sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam

Các kịch bản thuế									
		Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
		Cơ sở	Đề xuất	Cơ sở	Đề xuất	Cơ sở	Đề xuất	Cơ sở	Đề xuất
Thuế nhập khẩu (%)	Bia	35%	35%	35%	35%	35%	35%	35%	35%
	Rượu dưới 20 độ	50%	50%	50%	50%	50%	50%	50%	50%
	Rượu trên 20 độ	45%	45%	45%	45%	45%	45%	45%	45%
Thuế TTĐB (% Ad Valorem)	Bia	65%	65%	65%	65%	65%	65%	65%	65%
	Rượu dưới 20 độ	35%	35%	35%	35%	35%	35%	35%	35%
	Rượu trên 20 độ	65%	65%	65%	65%	65%	65%	65%	65%
Thuế TTĐB (đồng trên lít)	Bia								
	Rượu dưới 20 độ								
	Rượu trên 20 độ								
Thuế TTĐB (đồng trên LPA)	Bia								
	Rượu dưới 20 độ								
	Rượu trên 20 độ								

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

2.1.2. Các kịch bản thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam

Báo cáo này sẽ nghiên cứu 03 nhóm kịch bản thuế TTĐB (gồm 5 kịch bản cụ thể) áp dụng đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam trong thời gian tới. Giả định của các kịch bản thuế này là chỉ có mức thuế suất TTĐB đối với các sản phẩm đồ uống có cồn là thay đổi, trong khi thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng là không thay đổi.

Mục đích của việc nghiên cứu các kịch bản này là để so sánh các ưu, nhược điểm của từng kịch bản thuế trong việc đáp ứng các mục tiêu quản lý nhà nước của thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn trong giai đoạn tới, từ đó làm cơ sở để kiến nghị chuyển đổi phương pháp tính thuế TTĐB hiệu quả hơn. Tác động định lượng của các kịch bản thuế này sẽ được so sánh với Kịch bản cơ sở²¹ trên các khía cạnh về: (1) sự thay đổi số thu NSNN đối với toàn ngành đồ uống có cồn; (2) sự thay đổi về sản lượng tiêu thụ toàn ngành.

Để đơn giản hóa việc xây dựng và so sánh các kịch bản thuế, nghiên cứu này sử dụng một số giả định sau: (i) Tốc độ tăng tiêu dùng toàn ngành đồ uống có cồn trong giai đoạn 4 năm bình quân là 5%/năm²²; (ii) Tác động giảm tiêu dùng sản lượng đồ uống có cồn của các kịch bản thay đổi thuế TTĐB là 5% khi mức thuế suất TTĐB tăng thêm 10% (WHO 2014); (iii) Các kịch bản này sẽ đạt được tổng số thu NSNN đối với toàn ngành đồ uống có cồn là tương đương nhau qua từng năm, nhưng giống nhau trong cả giai đoạn.

- Nhóm kịch bản thứ nhất là tăng mức thuế suất trong phương pháp thuế tương đối (ad valorem). Cụ thể là:

+ Kịch bản 1: Không có sự thay đổi về phương pháp tính thuế TTĐB, nhưng có sự thay đổi về mức thuế suất TTĐB²³. Theo đó, phương pháp thuế TTĐB tương đối (ad valorem) vẫn được áp dụng, nhưng mức thuế suất TTĐB đối với từng loại sản phẩm đồ uống có cồn sẽ tăng thêm 5% theo lộ trình. Cụ thể, trong 02 năm đầu tiên, áp dụng mức thuế suất TTĐB như sau: 70% đối với sản phẩm bia; 70% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ trở lên; 40% đối với sản phẩm rượu dưới 20 độ. Trong 02 năm tiếp theo, sẽ áp dụng: 75% đối với sản phẩm bia; 75% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ trở lên; 45% đối với sản phẩm rượu dưới 20 độ.

²¹ Kịch bản cơ sở là kịch bản không có sự thay đổi về phương pháp tính thuế TTĐB, cũng như mức thuế suất TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam. Theo đó, phương pháp thuế TTĐB tương đối (ad-valorem) vẫn được áp dụng và mức thuế suất TTĐB cho từng loại sản phẩm đồ uống có cồn được giữ nguyên. Cụ thể: 65% đối với sản phẩm bia; 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ trở lên; 35% đối với sản phẩm rượu dưới 20 độ.

²² Tốc độ tăng này xuất phát từ một số lý do như sự tăng lên về thu nhập của người tiêu dùng, tỷ lệ người trẻ sử dụng bia rượu nhiều hơn...

²³ Đây là phương án dự kiến đề xuất từ phía Bộ Tài chính kể từ năm 2019.

- Nhóm kịch bản thứ hai là áp dụng phương pháp tính thuế TTĐB hỗn hợp, kết hợp cả thuế suất tương đối trên giá bán buôn của sản phẩm và thuế suất tuyệt đối trên mỗi lít tiêu thụ (hoặc mỗi lít cồn nguyên chất - LPA). Cụ thể là:

+ Kịch bản 2: Có sự thay đổi về phương pháp tính thuế TTĐB. Theo đó, áp dụng phương pháp tính thuế TTĐB hỗn hợp, kết hợp cả thuế suất tương đối trên giá bán buôn của sản phẩm và thuế suất tuyệt đối trên mỗi lít tiêu thụ. Theo đó, mức thuế suất TTĐB tương đối sẽ được giữ nguyên đối với từng nhóm sản phẩm, cụ thể: 65% đối với sản phẩm bia; 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ trở lên; 35% đối với sản phẩm rượu dưới 20 độ. Mặt khác, áp dụng thêm mức thuế suất tuyệt đối trên mỗi lít tiêu thụ đối với từng nhóm sản phẩm đồ uống có cồn.

+ Kịch bản 3: Tương tự Kịch bản 2 – tức là phương pháp hỗn hợp cả thuế tương đối và thuế tuyệt đối. Tuy nhiên, mức thuế suất TTĐB tuyệt đối sẽ tính trên mỗi lít cồn nguyên chất (LPA), thay vì là mỗi lít tiêu thụ.

- Nhóm kịch bản thứ ba vẫn áp dụng phương pháp tính thuế TTĐB hỗn hợp, tuy nhiên sẽ giảm mạnh mức thuế suất tương đối, trong khi tăng mạnh mức thuế suất tuyệt đối trên mỗi lít tiêu thụ (hoặc mỗi lít cồn nguyên chất - LPA). Cụ thể là:

+ Kịch bản 4: Trong năm thứ nhất, giữ nguyên mức thuế suất tương đối²⁴ và áp dụng thuế tuyệt đối trên mỗi lít tiêu thụ. Từ năm thứ hai, mức thuế suất tương đối giảm mạnh 15% cho tất cả các dòng sản phẩm²⁵ và tiếp tục áp dụng mức thuế tuyệt đối trên mỗi lít tiêu thụ.

+ Kịch bản 5: Tương tự Kịch bản 4, tuy nhiên thuế tuyệt đối sẽ áp dụng trên mỗi lít cồn nguyên chất (LPA), thay vì là mỗi lít tiêu thụ.

²⁴ 65% cho bia, 35% cho rượu dưới 20 độ, 65% cho rượu trên 20 độ.

²⁵ 50% cho bia, 20% cho rượu dưới 20 độ, 50% cho rượu trên 20 độ.

Bảng 1. Tổng hợp các kịch bản đề xuất sửa đổi thuế TTĐB

Kịch bản	Sản phẩm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Kịch bản 1	Giữ nguyên phương pháp thuế ad-valorem và tăng thêm mức thuế suất TTĐB 5%				
	Bia	70%	70%	75%	75%
	Rượu dưới 20	40%	40%	45%	45%
	Rượu trên 20	70%	70%	75%	75%
Kịch bản 2	Áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp (giữ nguyên mức thuế ad-valorem và áp dụng thêm thuế tuyệt đối trên mỗi lít tiêu thụ)				
	Bia	65% + 962 đồng/lít	65% + 962 đồng/lít	65% + 1.936 đồng/lít	65% + 1.936 đồng/lít
	Rượu dưới 20	35% + 8.944 đồng/lít	35% + 8.944 đồng/lít	35% + 17.934 đồng/lít	35% + 17.934 đồng/lít
	Rượu trên 20	65% + 11.361 đồng/lít	65% + 11.361 đồng/lít	65% + 22.732 đồng/lít	65% + 22.732 đồng/lít
Kịch bản 3	Áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp (giữ nguyên mức thuế ad-valorem và áp dụng thêm thuế tuyệt đối trên mỗi LPA tiêu thụ)				
	Bia	65% + 20.091 đồng/LPA	65% + 20.091 đồng/LPA	65% + 40.450 đồng/LPA	65% + 40.450 đồng/LPA
	Rượu dưới 20	35% + 74.532 đồng/LPA	35% + 74.532 đồng/LPA	35% + 149.450 đồng/LPA	35% + 149.450 đồng/LPA
	Rượu trên 20	65% + 35.453 đồng/LPA	65% + 35.453 đồng/LPA	65% + 70.934 đồng/LPA	65% + 70.934 đồng/LPA
Kịch bản 4	Chuyển mạnh từ phương pháp thuế hỗn hợp sang phương pháp thuế tuyệt đối trên mỗi lít tiêu thụ (giảm mạnh mức ad valorem)				
	Bia	65% + 962 đồng/lít	50% + 3.847 đồng/lít	50% + 4.839 đồng/lít	50% + 4.839 đồng/lít
	Rượu dưới 20	35% + 8.944 đồng/lít	20% + 35.853 đồng/lít	20% + 44.824 đồng/lít	20% + 44.824 đồng/lít
	Rượu trên 20	65% + 11.361 đồng/lít	50% + 45.699 đồng/lít	50% + 56.857 đồng/lít	50% + 56.857 đồng/lít
Kịch bản 5	Chuyển mạnh từ phương pháp thuế hỗn hợp sang phương pháp thuế tuyệt đối trên mỗi LPA tiêu thụ (giảm mạnh mức ad valorem)				
	Bia	65% + 20.092 đồng/LPA	50% + 80.364 đồng/LPA	50% + 101.117 đồng/LPA	50% + 101.117 đồng/LPA
	Rượu dưới 20	35% + 74.521 đồng/LPA	20% + 298.771 đồng/LPA	20% + 373.532 đồng/LPA	20% + 373.532 đồng/LPA
	Rượu trên 20	65% + 35.445 đồng/LPA	50% + 141.896 đồng/LPA	50% + 177.424 đồng/LPA	50% + 177.424 đồng/LPA

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả.

* Ghi chú: Các kịch bản được xây dựng sao cho tổng thu NSNN toàn ngành là tương đương nhau giữa các năm, nhưng giống nhau trong cả giai đoạn 04 năm.

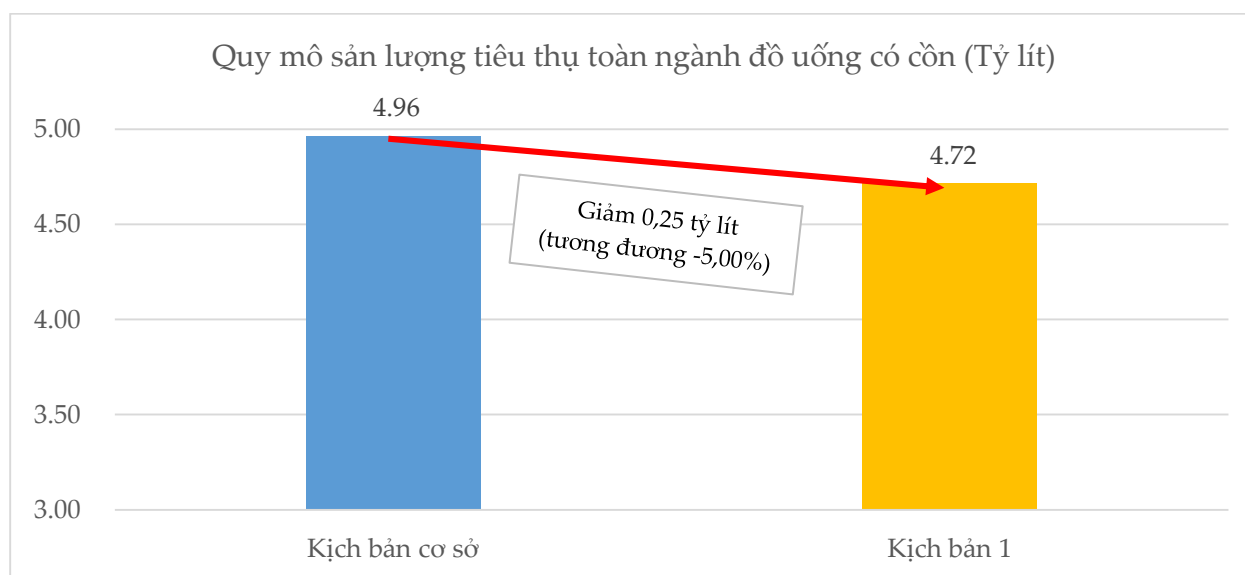
2.2. Các kết quả tác động đạt được

2.2.1. Đối với toàn ngành đồ uống có cồn

- **Theo Kịch bản 1**, tổng thu thuế²⁶ đối với toàn ngành đồ uống có cồn trong cả 04 năm ước đạt 23.351 tỷ đồng, tăng bình quân 6,73%/năm. So với Kịch bản cơ sở, tổng thu thuế của Kịch bản 1 cao hơn 38,09% trong cả giai đoạn 4 năm (Hình 3).

Với giả định rằng việc thay đổi thuế TTĐB sẽ làm giảm 5% tổng tiêu dùng của toàn ngành đồ uống có cồn trong giai đoạn 04 năm, số lít tiêu thụ đồ uống có cồn toàn ngành trong Kịch bản 1 sẽ giảm **xấp xỉ 0,25 tỷ lít**, tương đương giảm 5% so với Kịch bản cơ sở (là khi không có sự thay đổi về thuế TTĐB).

Hình 2. Quy mô sản lượng tiêu thụ ngành đồ uống có cồn đến năm thứ tư tại Kịch bản cơ sở và Kịch bản 1 (tỷ lít)



Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

- Để so sánh ưu, nhược điểm của các Kịch bản 2-5 so với Kịch bản 1 trong việc đáp ứng các mục tiêu quản lý nhà nước của thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn, nghiên cứu sẽ đánh giá dựa trên giả định sau: Cố định mức giảm sản lượng tiêu dùng toàn ngành đồ uống có cồn trong Kịch bản 2-5 bằng với mức giảm trong Kịch bản 1, từ đó so sánh sự thay đổi về tổng thu NSNN của toàn ngành giữa các Kịch bản.

- **Cần chú ý rằng đối với Kịch bản 2 (hoặc 3)**, khi áp dụng mức thuế tuyệt đối trên mỗi lít sản phẩm (hoặc LPA) tiêu thụ, giá của các dòng sản phẩm cao cấp sẽ rẻ hơn tương đối so với giá của chính các dòng sản phẩm này trong trường hợp Kịch bản 1 được áp dụng. Điều này dẫn đến việc thay đổi hành vi của người tiêu dùng, là chuyển sang tiêu thụ nhiều hơn các dòng sản phẩm cao cấp và giảm dần các

²⁶ Bao gồm thuế nhập khẩu, thuế TTĐB và thuế giá trị gia tăng.

dòng sản phẩm bình dân (gọi là hiệu ứng trading-up). **Với Kịch bản 4 (hoặc 5)**, hiệu ứng trading-up còn diễn ra mạnh mẽ hơn ở Kịch bản 2 (hoặc 3) do mức thuế suất TTDB tương đối (ad valorem) giảm mạnh. Nếu giả định không có hiệu ứng trading-up, tổng thu NSNN từ Kịch bản 2 (hoặc 3, 4, 5) sẽ tương đương với Kịch bản 1. Tuy nhiên, trong thực tế, hiệu ứng này sẽ diễn ra. Do đó, giả định rằng khi áp dụng Kịch bản 2 (hoặc 3, 4, 5), sẽ có sự thay đổi về cơ cấu các dòng sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng các dòng sản phẩm cao cấp và giảm tỷ trọng các dòng sản phẩm bình dân, nhưng tổng sản lượng tiêu thụ toàn ngành đồ uống có cồn là không đổi.

- Theo đó, mức thu NSNN toàn ngành tăng thêm trong Kịch bản 2-5 là:

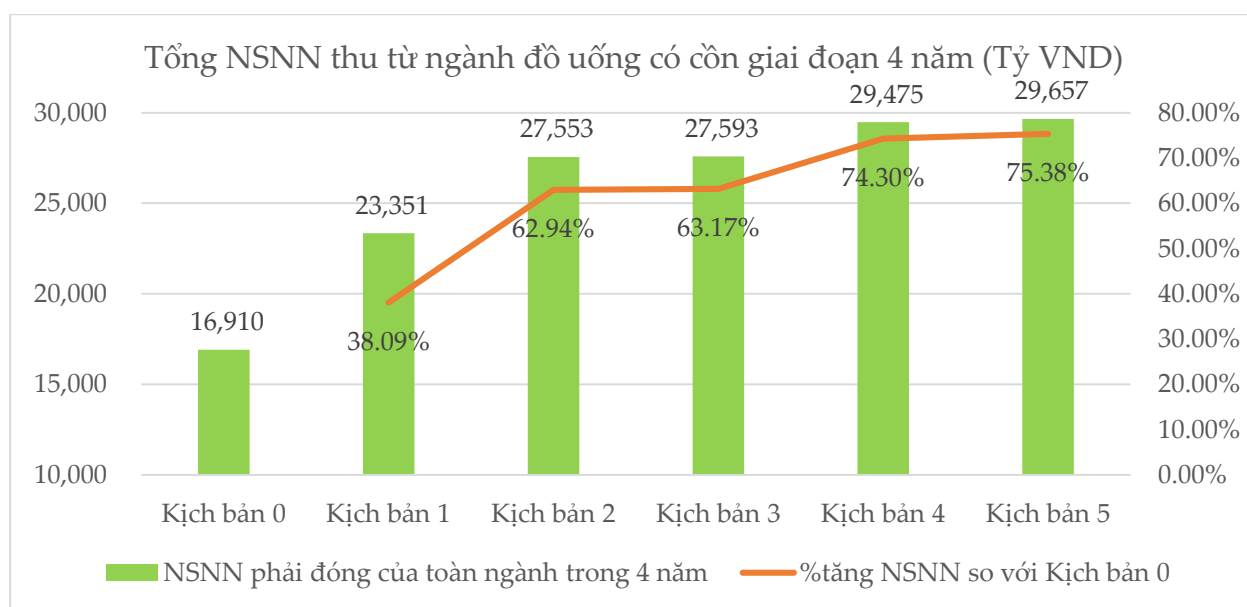
+ **Với Kịch bản 2 (như Bảng 1)**, tổng thu thuế đối với toàn ngành đồ uống có cồn trong cả 04 năm ước đạt 27.553 tỷ đồng, tăng bình quân 7,81%/năm. So với Kịch bản cơ sở, tổng thu thuế của Kịch bản 2 cao hơn 62,94% trong cả giai đoạn.

+ **Với Kịch bản 3 (như Bảng 1)**, tổng thu thuế đối với toàn ngành đồ uống có cồn trong cả 04 năm ước đạt 27.593 tỷ đồng, tăng bình quân 7,82%/năm. So với Kịch bản cơ sở, tổng thu thuế của Kịch bản 3 cao hơn 63,17% trong cả giai đoạn.

+ **Với Kịch bản 4 (như Bảng 1)**, tổng thu thuế đối với toàn ngành đồ uống có cồn trong cả 04 năm ước đạt 29.475 tỷ đồng, tăng bình quân 8,30%/năm. So với Kịch bản cơ sở, tổng thu thuế của Kịch bản 4 cao hơn 74,30% trong cả giai đoạn.

+ **Với Kịch bản 5 (như Bảng 1)**, tổng thu thuế đối với toàn ngành đồ uống có cồn trong cả 04 năm ước đạt 29.657 tỷ đồng, tăng bình quân 8,34%/năm. So với Kịch bản cơ sở, tổng thu thuế của Kịch bản 5 cao hơn 75,38% trong cả giai đoạn.

Hình 3. Tổng NSNN phải nộp trong 4 năm của ngành đồ uống có cồn (khi Kịch bản 1-5 có mức giảm sản lượng tiêu thụ giống nhau)



Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

Kết luận chung rằng, khi so sánh với Kịch bản cơ sở, các Kịch bản 1 đến 5 đều đảm bảo những mục tiêu mà Chính phủ đã đặt ra đối với Chiến lược cải cách thuế trong giai đoạn 2021-2030 về tăng thu NSNN và điều tiết tiêu dùng đối với sản phẩm đồ uống có cồn. Tuy nhiên, Kịch bản 4 (hoặc 5) đem lại kết quả về thu NSNN vượt trội hơn nhiều so với Kịch bản 1²⁷.

Bằng chứng thực nghiệm này tiếp tục ủng hộ cho cơ sở lý thuyết về hiệu quả của phương pháp tính thuế TTĐB hỗn hợp so với thuế TTĐB tương đối, đặc biệt là trong mục tiêu về đảm bảo số thu ngân sách nhà nước. Do đó, Kịch bản 2 đến 5 nên được cân nhắc lựa chọn, để thay thế cho Kịch bản 1, tức là phương pháp tính thuế TTĐB hỗn hợp nên được cân nhắc thay thế cho phương pháp thuế TTĐB tương đối.

²⁷ So sánh về cách thức đánh thuế hỗn hợp dựa trên mỗi lít tiêu thụ và dựa trên mỗi lít cồn nguyên chất – LPA, có thể thấy rằng cách thức đánh thuế hỗn hợp dựa trên mỗi lít cồn nguyên chất – LPA tốt hơn so với trên mỗi lít tiêu thụ. Số thu NSNN trong Kịch bản 3 (hoặc 5) lớn hơn trong Kịch bản 2 (hoặc 4).

PHẦN 3: KHUYẾN NGHỊ CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI ĐỐI VỚI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI NGÀNH ĐỒ UỐNG CÓ CỒN TẠI VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Bối cảnh mới tác động đến thị trường và cơ chế quản lý Nhà nước đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam

Tình hình quốc tế và trong nước mang đến cả cơ hội và thách thức cho nền kinh tế Việt Nam, đòi hỏi cơ chế quản lý tốt hơn, phù hợp hơn cho đồ uống có cồn trong thời gian tới. Một số tác động chính có thể kể đến gồm:

Một là, sẽ có nhiều cơ hội cho Việt Nam từ phục hồi kinh tế thế giới sau dịch COVID-19, trong đó có ngành đồ uống có cồn. Tuy nhiên, điều kiện tiên quyết để nắm bắt được các cơ hội này là hệ thống chính sách (bao gồm chính sách thuế) phải thực sự thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, góp phần tạo lợi thế cạnh tranh so với các nước khác.

Thế giới đang dần bước vào giai đoạn phục hồi hậu đại dịch COVID-19. Khi đó, ưu tiên hàng đầu của các nước là tạo lập môi trường kinh doanh ổn định để doanh nghiệp sớm khôi phục hoạt động kinh doanh, nền kinh tế thu hút thêm đầu tư và đưa cuộc sống người dân trở lại bình thường. Việt Nam chắc chắn không thể đứng ngoài xu thế này.

Do đó, xu hướng cải cách để hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển cần được xem là một định hướng quan trọng đối với chính sách thuế của ngành đồ uống có cồn của Việt Nam sau dịch. Chính sách thuế trước hết sẽ hỗ trợ doanh nghiệp đang hoạt động sớm khôi phục và cải thiện kết quả sản xuất và kinh doanh (vốn bị ảnh hưởng nặng nề thời gian qua khi các kênh bán hàng bị hạn chế do giãn cách xã hội và người tiêu dùng dành ưu tiên cho thực phẩm thiết yếu khác); sau là tạo niềm tin cho nhà đầu tư và thu hút thêm các hoạt động đầu tư sản xuất và kinh doanh.

Dịch COVID-19 kéo dài hơn 2 năm nay đã và đang tác động nghiêm trọng đến đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam, đòi hỏi các chính sách phải hài hòa, không tạo ra những hậu quả ngược, ví dụ như khiến cho một bộ phận người dùng khó khăn hơn do tác động của dịch nên tìm cách sử dụng các sản phẩm chưa quản lý được vì giá thành rẻ hơn hẳn sản phẩm chính thức. Cần lưu ý rằng, dịch đã làm xói mòn sức chống chịu của cả doanh nghiệp và người dân, giảm mức sống của một bộ phận người dân (đặc biệt là nhóm có thu nhập thấp). Trong năm 2021, hơn 119 nghìn doanh nghiệp đã phải tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể (Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, 2021); kéo theo đó là hàng triệu người lao động bị ảnh hưởng tiêu cực.

Hai là, xu hướng cải cách chính sách thuế theo thực tiễn quốc tế tốt, trong đó có thuế TTĐB, ngày càng phổ biến, vì thế chính sách thuế TTĐB cần tiệm cận với thông lệ quốc tế tốt để đạt được các mục tiêu cao nhất cũng như góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Xu hướng cải cách chính sách thuế của các nước trong những năm gần đây chủ yếu là cân bằng giữa đảm bảo mục tiêu thu ngân sách và khuyến khích tăng trưởng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ và cạnh tranh về vốn, lao động ngày càng gia tăng, các nước sử dụng chính sách tài khóa như một công cụ quan trọng nhằm thu hút và thúc đẩy phát triển. Nhiều nước đã đưa ra những chính sách thuế ưu đãi và thuận lợi để thu hút, tháo gỡ các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình phục hồi và hoạt động của nền kinh tế sau dịch. Đồng thời, qua đó cũng góp phần thúc đẩy đăng ký chính thức hóa hoạt động kinh doanh, từ đó thực hiện quản lý nhà nước hiệu quả hơn, tiến tới được mục tiêu cao nhất là đảm bảo chất lượng hàng hóa tiêu dùng và công bằng xã hội.

Với ngành đồ uống có cồn, sự chuyển biến mạnh mẽ theo xu hướng này cũng được ghi nhận. Đối với thuế TTĐB, việc chuyển đổi phương pháp thuế từ tương đối sang hỗn hợp hoặc tuyệt đối ngày càng được quan tâm và thực hiện nhiều hơn. Do đó, muốn bắt kịp với thực tiễn tốt của thế giới thì Việt Nam cũng nên cân nhắc các phương án chuyển đổi để hài hòa giữa mục tiêu thu ngân sách và khuyến khích phát triển chung của nền kinh tế.

Việc Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới sẽ mang lại nhiều cơ hội tiếp cận và điều chỉnh chính sách thuế theo thông lệ quốc tế tốt. Việt Nam đã đàm phán, ký kết 17 Hiệp định thương mại tự do với trên 60 quốc gia đối tác và đang tiếp tục mở rộng các thỏa thuận hợp tác để thúc đẩy giao thương với các nước. Điều này đòi hỏi phải cải cách thể chế kinh tế (trong đó chính sách thuế là một lĩnh vực được quan tâm hàng đầu) mạnh mẽ hơn nữa, tạo lập môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch, tiệm cận với thông lệ quốc tế và quy chuẩn của các nền kinh tế phát triển.

Ba là, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có tác động ngày càng sâu rộng đến mọi mặt của cuộc sống, đặt ra yêu cầu đổi mới công tác quản lý nhà nước và áp dụng công nghệ phù hợp để tối ưu hóa hiệu quả quản lý đối với ngành đồ uống có cồn.

Sự kết hợp giữa các biện pháp truyền thống (bao gồm chính sách thuế) và ứng dụng công nghệ là xu thế tất yếu để đạt được các mục tiêu quản lý nhà nước. Nó cũng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Các nước chậm phát triển hơn và đi sau về công nghệ có thể đối diện với nguy cơ ngày

càng tụt hậu về năng lực cạnh tranh so với các nước phát triển, dẫn tới kém sức hút hơn đối với các nguồn vốn đầu tư.

Trong công tác quản lý đồ uống có cồn, việc áp dụng công nghệ ngày càng được chú ý hơn. Một số khía cạnh chính có thể kể đến như trong việc lưu trữ thông tin của cơ sở sản xuất, kinh doanh và hàng hóa, kiểm tra nhãn mác, quản lý rủi ro đối với chất lượng hàng hóa, kiểm soát hàng hóa qua biên giới, nhất là hàng lậu... Đây là điều mà Việt Nam có thể tận dụng để cải tiến việc quản lý đồ uống có cồn, nhất là với các đồ uống chưa được ghi nhận.

Bốn là, các quy định, cơ chế mới được ban hành gần đây để quản lý đồ uống có cồn nói chung và việc lạm dụng đồ uống có cồn nói riêng đang dần phát huy hiệu quả, cho thấy cần có sự phối hợp của các nhóm giải pháp đa dạng cùng với chính sách thuế để quản lý tốt hơn việc lạm dụng đồ uống có cồn.

Nhiều văn bản mới được ban hành trong thời gian qua điều chỉnh đến chính sách thuế nói chung và chính sách thuế đối với đồ uống có cồn nói riêng đang phát huy tác dụng, ví dụ như Luật Quản lý thuế 2019, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia 2019... Phối hợp với nhau, các quy định mới đã tạo nền tảng để hoàn thiện thể chế và phương thức quản lý thuế, cũng như điều chỉnh tốt hơn hành vi tiêu thụ đồ uống có cồn trong nước. Các sắc thuế đối với hàng hóa này cũng đã được sửa đổi nhất quán và dần ổn định, đi vào hiệu quả.

Ngoài ra, ngành thuế đã và đang triển khai các cơ chế thuận lợi hơn cho việc thu thuế, quản lý thuế. Ngành thuế đã đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý thuế. Cùng với đó, bộ máy cơ quan thuế dần được tổ chức theo hướng tinh gọn hơn từ Trung ương đến địa phương, tạo điều kiện để hỗ trợ người nộp thuế tốt hơn và công tác quản lý thuế hiệu quả hơn. Từ đó, công tác quản lý thuế đối với đồ uống có cồn chưa được ghi nhận được kỳ vọng sẽ bao quát hơn. Thời gian tới, công tác quản lý thuế cần tiếp tục hiện đại hóa mạnh mẽ để theo kịp với sự phát triển của thị trường, đáp ứng yêu cầu về chính phủ số.

Trước những nỗ lực cải cách và đồng hành cùng doanh nghiệp của Chính phủ, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp đã tăng lên thời gian qua. Thành quả này rất cần được tiếp tục duy trì. Điều này đòi hỏi năng lực quản trị nhà nước, điều hành phát triển kinh tế - xã hội phải tiếp tục được nâng cao để tận dụng được nguồn lực đang có, khơi thông những điểm nghẽn còn tồn tại và khai phá những tiềm năng đang bỏ ngỏ. Một trong những giải pháp quan trọng để hiện thực hóa mong muốn này là hoàn thiện thể chế, pháp luật một cách tốt nhất để thúc đẩy sự phát triển chung của nền kinh tế và xã hội. Trong đó, cơ chế quản lý thuế, bao gồm thuế TTĐB, phải

phù hợp với thông lệ quốc tế, đạt được các mục tiêu đề ra nhưng đồng thời cũng tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

3.2. Khuyến nghị chính sách và đề xuất sửa đổi thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam

Dựa trên các định hướng về sửa đổi thuế TTĐB đối với đồ uống có cồn tại Việt Nam, nghiên cứu này đề xuất 2 nhóm giải pháp. **Thứ nhất** là các giải pháp liên quan đến phương pháp tính thuế TTĐB. **Thứ hai** là các giải pháp đồng bộ khác để quản lý tốt hơn đồ uống có cồn, nhất là đồ uống có cồn phi chính thức, từ đó góp phần giúp chính sách thuế TTĐB đạt được hiệu quả cao nhất.

3.2.1. Xác định phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt và sắc thuế phù hợp trong từng giai đoạn

Một là, xem xét chưa thay đổi thuế TTĐB đối với khu vực đồ uống có cồn. Lý do là bởi:

+ Các doanh nghiệp kinh doanh đồ uống có cồn hiện đang chịu tác động nặng nề của đại dịch COVID-19. Do đó, Chính phủ và Bộ Tài chính cần có các chính sách hỗ trợ, đặc biệt là về thuế, để giúp doanh nghiệp phục hồi và dần phát triển trở lại thay vì các đề xuất tăng thuế. Điều cần thiết hiện nay là tạo lập môi trường kinh doanh ổn định, dự đoán được, để thúc đẩy sự phục hồi của nền kinh tế trong bối cảnh bình thường mới.

+ Bên cạnh đó, trong hai năm qua đã có những quy định mới góp phần đáng kể vào việc hạn chế hành vi lạm dụng đồ uống có cồn (Ví dụ như quy định xử phạt nặng việc sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP). Các văn bản này phát huy tác dụng cho thấy, ngoài chính sách thuế, các công cụ quản lý khác có thể đóng vai trò quan trọng trong hạn chế lạm dụng rượu bia, nên cần chú trọng thực thi tốt hơn nữa trong thực tiễn.

Hai là, trong trường hợp xem xét thay đổi thuế TTĐB đối với khu vực đồ uống có cồn, cần (i) xác định rõ mục tiêu ưu tiên của chính sách thuế, (ii) cân nhắc hài hòa những đặc điểm riêng của việc sử dụng rượu, bia tại nền kinh tế, (iii) sự công bằng, đóng góp của nguồn thu từ thuế TTĐB, xét trong tổng thể hệ thống quản lý hiện nay. Tóm tắt tổng quan những lợi thế và hạn chế của các phương pháp thuế được trình bày tại Bảng 7 dưới đây.

Bảng 2. Lợi thế và hạn chế của các phương pháp thuế

	Lợi thế	Hạn chế
Thuế tương đối	- Thuế lũy tiến	- Không ổn định, không dự báo trước về nguồn thu

	Lợi thế	Hạn chế
	- Tự điều chỉnh theo lạm phát, đóng vai trò như công cụ bình ổn nền kinh tế	- Không công bằng giữa các sản phẩm cùng LPA, dẫn đến khuyến khích sử dụng sản phẩm giá rẻ, chất lượng thấp - Bị ảnh hưởng từ chiến lược giá của nhà sản xuất - Chi phí quản lý nhà nước lớn do dựa trên giá
Thuế hỗn hợp	- Khắc phục điểm bất lợi của thuế tương đối về khuyến khích giảm giá thành sản phẩm bằng một mức thuế sản tuyệt đối - Thuế sẽ cao hơn với sản phẩm có giá trị cao hơn – đóng vai trò như thuế thu nhập - Nguồn thu ổn định hơn và tự điều chỉnh theo lạm phát - Đảm bảo được các mục tiêu về hạn chế lạm dụng rượu bia, ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng	- Hệ thống thuế phức tạp dẫn đến phát sinh chi phí lớn cho cả quản lý nhà nước và các nhà sản xuất - Không đảm bảo công bằng giữa các sản phẩm cùng LPA

Nguồn: Nhóm tác giả điều chỉnh từ CIEM (2020).

Ba là, trong trường hợp điều chỉnh phương pháp tính thuế và tăng mức thuế suất thuế TTDB, cần xem xét áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp, thay thế cho phương pháp thuế tương đối (ad valorem) đang được áp dụng hiện nay. Lý do là bởi:

+ Nếu tăng thuế ad valorem như đang được áp dụng, sẽ khiến giá các sản phẩm đồ uống có cồn chính thức trong nước cao hơn tương đối so với chính các sản phẩm này ở thị trường quốc tế. Điều này gây ra 02 hệ quả không mong muốn: (i) Thúc đẩy hàng lậu/hàng giả vào thị trường trong nước để hưởng giá bán trong nước cao; (ii) Cản trở người tiêu dùng trong nước tiếp cận các sản phẩm hợp pháp, đóng thuế đầy đủ, trong khi thúc đẩy họ sử dụng các sản phẩm phi chính thức với mức giá rẻ hơn rất nhiều. Tác động tiêu cực này ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người

dân; đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động hợp pháp; và từ đó làm thất thoát nguồn thu thuế của nhà nước.

+ Việc chuyển đổi sang phương pháp thuế hỗn hợp có thể đáp ứng được các mục tiêu quản lý Nhà nước tốt hơn. Cụ thể là: (i) Thu NSNN từ khu vực đồ uống có cồn được đảm bảo, thậm chí cao hơn vì hiệu ứng trading-up xảy ra²⁸; (ii) Tránh được việc khai gian giá các sản phẩm đồ uống có cồn gây thất thu thuế; (iii) Thúc đẩy các cơ quan quản lý Nhà nước tăng cường thu thập và xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ và chính xác hơn về mức tiêu thụ các sản phẩm đồ uống có cồn trên thị trường, từ đó làm cơ sở thực chứng quan trọng để kiến nghị các chính sách quản lý hiệu quả hơn; (iv) Giúp đơn giản hóa việc xác định căn cứ tính thuế của sản phẩm²⁹, cũng như hạn chế tình trạng doanh nghiệp sử dụng các mức giá khác nhau để làm giá tính thuế cho mục đích trốn thuế; (v) Là thông lệ quốc tế tốt mà nhiều quốc gia đã và đang hướng tới³⁰, cũng như phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế của Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

Theo đó, nghiên cứu này đề xuất áp dụng **Kịch bản 3** thay thế cho phương pháp tính thuế TTĐB tương đối (ad valorem) hiện nay bởi kịch bản này đạt được hai mục tiêu quản lý Nhà nước quan trọng, là tăng thu NSNN từ khu vực đồ uống có cồn và giảm sản lượng tiêu thụ đồ uống có cồn, trong khi hài hòa được lợi ích giữa khu vực rượu trong nước, nhập khẩu, và bia. Theo đó, nghiên cứu đề xuất giữ nguyên mức thuế suất TTĐB tương đối với từng nhóm sản phẩm, cụ thể: 65% đối với sản phẩm bia; 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ trở lên; 35% đối với sản phẩm rượu dưới 20 độ. Mặt khác, áp dụng thêm mức thuế suất tuyệt đối trên mỗi lít cồn nguyên chất tiêu thụ - LPA đối với từng nhóm sản phẩm đồ uống có cồn.

Trong khi đó, với Kịch bản 4 (hoặc 5), việc giảm mạnh mức thuế suất tương đối có thể tạo ra các biến động mạnh, không mong muốn cho nguồn thu ngân sách nhà nước trong ngắn hạn. Tuy nhiên, trong dài hạn, có thể nghiên cứu áp dụng Kịch bản 4 để hỗ trợ tốt hơn các mục tiêu về sức khỏe cộng đồng, cũng như phù hợp với thực tiễn tốt tại các quốc gia phát triển.

²⁸ Bằng chứng thực nghiệm tại Phần 2 đã minh chứng cho điều này.

²⁹ Với phương pháp tính thuế tương đối (ad valorem) hiện nay, một số lô hàng nhập khẩu, hải quan phải tạm dừng thông quan để tham vấn giá tính thuế, gây mất thời gian giải trình về giá. Do đó, chuyển đổi sang phương pháp thuế hỗn hợp sẽ phần nào giảm sự phức tạp cho thủ tục hải quan, giảm thời gian thực hiện thủ tục của doanh nghiệp.

³⁰ Theo CIEM (2020), các nước phát triển có xu hướng sử dụng thuế tuyệt đối theo số lít cồn nguyên chất, ví dụ như Úc, Canada, Nhật Bản, Mỹ và hầu hết các nước OECD (chỉ trừ một số ít quốc gia như Hàn Quốc, Mexico và Thổ Nhĩ Kỳ). Trong khi các nước Tây Âu ưa thích phương pháp thuế tuyệt đối, thì các nước Đông Âu lại thường sử dụng phương pháp thuế hỗn hợp.

3.2.2. Các giải pháp khác

Để quản lý tốt việc tiêu thụ đồ uống có cồn, giúp các chính sách thuế TTĐB đạt được mục tiêu đề ra, ngoài phương pháp tính thuế TTĐB, Nhà nước cần kết hợp những biện pháp khác về quản lý, giám sát và kiểm tra, truyền thông tuyên truyền... để chính sách thuế đạt được hiệu quả cao nhất. Một số giải pháp cụ thể như:

Một là, giám sát và quản lý tốt hơn khu vực đồ uống có cồn phi chính thức từ khâu sản xuất cho đến tiêu dùng, trong đó chú trọng các giải pháp sau:

- + Cơ quan quản lý nhà nước từ những cấp đơn vị hành chính nhỏ nhất phải phối hợp chặt chẽ với nhau để rà soát kỹ lưỡng, nắm rõ tình hình sản xuất, tiêu thụ rượu thủ công trên địa bàn. Từ đó, tuyên truyền, vận động, hỗ trợ các hộ gia đình, thôn, làng... đăng ký chính thức và hướng dẫn họ tuân thủ các quy định về chất lượng sản phẩm, thuế. Chính quyền địa phương cần ban hành các hướng dẫn cụ thể về hỗ trợ các hộ kinh doanh nhỏ lẻ tập hợp để đăng ký hợp tác xã, đăng ký làng nghề, nghề truyền thống; triển khai thực chất các chính sách khuyến công hỗ trợ làng nghề.

- + Xây dựng, hoàn thiện chính sách thuế áp dụng đối với rượu thủ công theo hướng đảm bảo công bằng với các loại đồ uống khác. Giá tính thuế cần hợp lý để cơ sở sản xuất rượu thủ công chính thức có thể cạnh tranh được với những cơ sở sản xuất trái pháp luật.

- + Kiểm soát cần phải chặt chẽ hơn ở cả khâu phân phối, tiêu dùng. Cơ quan quản lý thị trường cần tăng cường hơn nữa việc thanh tra, kiểm tra, xử phạt các hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép đồ uống có cồn chưa được ghi nhận. Đặc biệt, cần chú trọng kiểm soát việc tiêu thụ đồ uống có cồn chưa được ghi nhận tại các nhà hàng, quán ăn và trong các dịp lễ hội, sự kiện tập trung đông người.

- + Các cấp quản lý đẩy mạnh phối hợp với các đơn vị truyền thông, tận dụng các kênh truyền thông và hiện đại để tăng cường tuyên truyền, vận động người dân sử dụng các sản phẩm hợp pháp, có nhãn mác, đảm bảo chất lượng.

Hai là, tăng cường tuyên truyền, khuyến khích tiêu dùng có trách nhiệm. Cần tiếp tục triển khai mạnh mẽ hơn nữa các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về các chính sách pháp luật phòng, chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn, không nấu rượu trái phép... Lan rộng các điển hình, thực tiễn tốt về truyền thông, ví dụ như các giải pháp tuyên truyền về trách nhiệm tham gia giao thông khi sử dụng đồ uống có cồn.

- + Để thực hiện tốt công tác phổ biến thông tin phải phối hợp chặt chẽ giữa tất cả các ngành liên quan trên địa bàn (y tế, công thương, giáo dục và đào tạo, công an). Qua đó, thông tin sẽ đến được với nhiều đối tượng nhất, từ đó nâng cao ý thức tiêu dùng của toàn dân.

+ Hình thức và các kênh thông tin cũng cần cải tiến để phù hợp với sự bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay. Bên cạnh các kênh truyền thống như tờ rơi, băng rôn... thì các kênh trực tuyến cũng còn nhiều dư địa để khai thác.

+ Ngoài ra, cần khuyến khích ngày càng nhiều doanh nghiệp tuân thủ tốt các quy định, quy tắc về truyền thông, quảng cáo, ví dụ như quy tắc ứng xử trong quảng cáo, quy chế truyền thông thương mại có trách nhiệm...

Ba là, thực hiện nghiêm túc, quyết liệt việc xử phạt hành vi lạm dụng đồ uống có cồn gây ảnh hưởng đến xã hội. Thời gian qua cho thấy khi các biện pháp xử phạt mạnh được thực hiện nghiêm sẽ tác động không nhỏ tới ý thức của người tiêu dùng, khuyến khích họ sử dụng đồ uống có cồn văn minh hơn.

+ Cơ quan kiểm tra cần chủ động nắm bắt thông tin và phối hợp với các đơn vị báo đài để ghi nhận kịp thời, chính xác phản ánh về những vụ việc liên quan đến đồ uống có cồn. Thông tin đầy đủ, chính xác sẽ giúp cơ quan chức năng dễ dàng và nhanh chóng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đúng đối tượng.

Bốn là, chú trọng công tác thực thi chính sách thuế nói riêng và các chính sách điều chỉnh đồ uống có cồn nói chung để thu được hiệu quả như kỳ vọng. Cơ quan thuế cần xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin, liên thông, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước khác. Chính quyền tăng cường chức năng giám sát, nhất là theo cơ chế rủi ro, cũng như ban hành và triển khai các biện pháp để ngăn chặn các hành vi phạm, trốn thuế, buôn bán bất hợp pháp...

+ Đồng thời, cần đẩy mạnh hợp tác giữa cơ quan quản lý với các doanh nghiệp, tổ chức trong ngành để tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp triển khai chính sách thuế có hiệu quả. Khi xây dựng chính sách thuế cần dựa trên bằng chứng thực tiễn, đi kèm với kế hoạch thực hiện tốt, và lắng nghe phản hồi từ đối tượng chịu tác động và các bên liên quan để có chính sách khả thi và hiệu quả nhất.

KẾT LUẬN

Giai đoạn 2011-2020 và trong giai đoạn 2021-2030, quan điểm cơ bản của Việt Nam đối với chính sách thuế tiêu dùng đặc biệt đối với đồ uống có cồn là điều tiết tiêu dùng hợp lý, đảm bảo tăng thu ngân sách nhưng hài hòa, không tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh chung của ngành và doanh nghiệp. Việt Nam đã định hướng sửa đổi Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có cồn để phù hợp tới thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và nghiên cứu áp dụng phương pháp tính thuế theo hướng hỗn hợp. Mục tiêu chính được đề ra trong những lần sửa đổi Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt trước đây là nhằm hạn chế việc lạm dụng rượu bia và đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước.

Để đảm bảo đạt được những định hướng và mục tiêu trong giai đoạn 2021-2030, cần tiếp tục xem xét đến tổng thể các chính sách và khung khổ pháp lý có tác động đến ngành đồ uống có cồn. Hiện nay, khung khổ pháp lý đối với đồ uống có cồn đã tương đối hoàn chỉnh, chặt chẽ, có thể kể đến như Luật An toàn thực phẩm, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, các Nghị định hướng dẫn thi hành và xử phạt vi phạm hành chính... Tuy nhiên, hiệu quả thực tiễn của nhiều chính sách chưa được như mong muốn do một số nguyên nhân, mà chủ yếu nhất là công tác phổ biến, tuyên truyền còn hạn chế và việc triển khai, giám sát chưa nghiêm.

Bên cạnh đó, tác động của chính sách thuế đến khu vực đồ uống có cồn phi chính thức ít được quan tâm. Nếu như việc điều chỉnh chính sách thuế đối với đồ uống có cồn chỉ tác động đến khu vực chính thức thì khu vực phi chính thức³¹ lại không được quản lý một cách chặt chẽ. Hạn chế này tạo điều kiện cho đồ uống có cồn phi chính thức phát triển, trong khi đây lại là những sản phẩm mà Nhà nước chưa kiểm soát được chất lượng, số lượng và là nguyên nhân chính của nhiều trường hợp tai nạn, ngộ độc đáng tiếc. Điều này vừa gây thiệt hại cho ngân sách (do thất thu thuế), vừa không công bằng đối với các nhà sản xuất khu vực chính thức, đồng thời vẫn không giải quyết được tình trạng nhập lậu, hàng nhái, hàng giả.

Việc điều chỉnh tăng thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn đã được thực hiện nhiều lần (năm 2008, 2014, 2016), tuy nhiên chưa thực sự hiệu quả như kỳ vọng. Lượng tiêu thụ vẫn có xu hướng tăng, tình trạng lạm dụng rượu bia còn tồn tại ở nhiều nơi. Đồ uống có cồn chưa được ghi nhận vẫn còn khá phổ biến. Ngoài ra, định hướng áp dụng thuế hỗn hợp cũng chưa được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng và triển khai. Nghiên cứu của CIEM (2020) cho thấy phương pháp thuế tương đối mà Việt Nam đang áp dụng còn nhiều hạn chế, bất cập, khó đáp ứng được các mục tiêu đề ra của chính sách thuế TTĐB. Phương pháp này cũng không phải là thông lệ

³¹ Chủ yếu là đồ uống có cồn được sản xuất thủ công bởi các hộ sản xuất quy mô nhỏ và sản phẩm buôn lậu.

tốt được các quốc gia phát triển sử dụng. Vì thế, cần thiết xem xét lại chính sách thuế TTĐB đối với đồ uống có cồn tại Việt Nam để chính sách này thực sự có hiệu quả và đạt mục tiêu mong muốn. Trong đó, trọng tâm là tìm kiếm một phương pháp tính thuế phù hợp với thông lệ quốc tế và đặc điểm tại Việt Nam.

Với mục tiêu nêu trên, nghiên cứu này nhằm cung cấp các bằng chứng thực nghiệm ban đầu về tác động của các kịch bản điều chỉnh chính sách thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn, từ đó xác định phương án hiệu quả hơn cho Việt Nam. Các kịch bản đề xuất được xem xét là tăng thuế tương đối hoặc áp dụng thuế hỗn hợp với phần thuế tuyệt đối tính trên số lít hoặc số lít cồn nguyên chất (LPA).

Bên cạnh mục tiêu giảm sản lượng tiêu thụ được đảm bảo, các kịch bản thuế đề xuất đều đáp ứng được mục tiêu về tăng thu NSNN mà Chính phủ đã đề ra tại Chiến lược cải cách thuế trong giai đoạn 2021-2030. Tuy nhiên, mức thu ngân sách Nhà nước trong nhóm kịch bản thứ hai (hoặc thứ ba) tốt hơn đáng kể so với nhóm kịch bản thứ nhất.

Trên cơ sở đánh tác động của các kịch bản, cũng như cân nhắc định hướng, yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý đồ uống có cồn nói chung và chính sách thuế TTĐB đối với đồ uống có cồn nói riêng, nghiên cứu đề ra hai nhóm giải pháp để các mục tiêu quản lý nhà nước đối với mặt hàng này đạt hiệu quả:

- Thứ nhất là các giải pháp liên quan đến phương pháp tính thuế, trong đó **Kịch bản 3** nên được cân nhắc, thay thế cho phương pháp thuế tương đối như hiện nay. Trong dài hạn, có thể nghiên cứu áp dụng Kịch bản 4 (hoặc 5), tức là giảm dần mức thuế ad valorem và tăng số thuế tuyệt đối, để hỗ trợ tốt hơn các mục tiêu về sức khỏe cộng đồng, cũng như phù hợp với thực tiễn tốt tại các quốc gia phát triển.

- Thứ hai là các giải pháp đồng bộ khác để quản lý tốt hơn đồ uống có cồn, nhất là đồ uống có cồn phi chính thức, từ đó góp phần giúp chính sách thuế TTĐB đạt được hiệu quả cao nhất. Cụ thể gồm các nhóm giải pháp trọng tâm sau: 1) Giám sát và quản lý tốt hơn khu vực đồ uống có cồn phi chính thức từ khâu sản xuất cho đến tiêu dùng; 2) tăng cường tuyên truyền, khuyến khích tiêu dùng có trách nhiệm; 3) thực hiện nghiêm, quyết liệt việc xử phạt hành vi lạm dụng đồ uống có cồn gây ảnh hưởng đến xã hội; 4) chú trọng công tác thực thi chính sách thuế nói riêng và các chính sách điều chỉnh đồ uống có cồn nói chung./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tài chính (2021), “Công văn số 7617/BTC-TCT ngày 12/7/2021 về việc xin ý kiến về dự thảo Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021-2030”.

Chính phủ (2014), “Tờ trình số 416/TTr-CP ngày 17/10/2014 về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt”.

Chính phủ (2015), “Tờ trình số 541/TTr-CP ngày 19/10/2015 về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế”.

Chính phủ (2018), “Tờ trình số 431/TTr-CP ngày 04/10/2018 về Dự án Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia”.

CIEM (2018), “*Nghiên cứu đánh giá tác động kinh tế - xã hội của dự luật thuế (sửa đổi) liên quan đến sản phẩm nước giải khát có đường ở Việt Nam*”, Báo cáo nghiên cứu.

CIEM (2020), “*Tổng quan về hệ thống chính sách thuế đối với ngành sản xuất rượu và đề xuất kiến nghị*”, Báo cáo nghiên cứu.

Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (2021), “*Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021*”, (Truy cập ngày 15/01/2022), từ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/en/News/597/5732/tinh-hinh-dang-ky-doanh-nghiep-thang-12-va-nam-2021.aspx>..

Giang Thanh Long và cộng sự (2013), “*Tác động của tăng thuế đến sản lượng và việc làm ở Việt Nam*”, Báo cáo nghiên cứu (HealthBridge Vietnam).

Nguyễn Thị Thu Hiền và cộng sự (2008), “*Tác động của tăng thuế đến sản lượng và việc làm ở Việt Nam*”, Báo cáo nghiên cứu (SEATCA).

Nguyễn Thị Thu Hiền, Giang Thanh Long, Phạm Ngọc Toàn (2020), “*Impacts of higher tobacco tax on output and employment in Vietnam*”, Journal of Economics and Development Vol. 22, No. 1, pp. 167-182.

Preece, R., Oczkowski, E., Bandara, Y. and Nuchaswan, K., (2018), “*Development of an econometric model of alcohol taxation in Vietnam*”, World Customs Journal, 12(2), pp.133-168.

WHO (2014), “*Global Status Report on Alcohol and Health 2014*”, Geneva: World Health Organization.

WHO (2018), “*Global status report on alcohol and health 2018*”, Geneva: World Health Organization.

Phụ lục 1:
Các quốc gia đang sử dụng phương pháp thuế hỗn hợp và tuyệt đối

Quốc gia	Phương pháp tính thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn hiện nay
<i>Áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp</i>	
Các nước Đông Âu	Thường sử dụng phương pháp thuế hỗn hợp
Philippines	Áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối theo số lít chất lỏng (unitary taxation) và phương pháp tính thuế tương đối theo giá trị sản phẩm (ad valorem taxation)
Malaysia Thái Lan	Áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối theo số lít cồn nguyên chất (specific taxation), phương pháp tính thuế tuyệt đối theo số lít chất lỏng (unitary taxation), và phương pháp tính thuế tương đối theo giá trị sản phẩm (ad valorem taxation)
<i>Áp dụng phương pháp thuế tuyệt đối</i>	
Các nước Tây Âu	Ưu thích và sử dụng phương pháp thuế tuyệt đối
Singapore	Áp dụng phương pháp thuế tuyệt đối theo số lít cồn nguyên chất
Brunei Indonesia	Áp dụng phương pháp thuế tuyệt đối theo số lít chất lỏng
Australia; Canada; Nhật Bản; Mỹ; các nước thành viên Liên minh châu Âu; hầu hết các nước OECD (trừ Hàn Quốc, Mexico và Thổ Nhĩ Kỳ)	Sử dụng phương pháp thuế tuyệt đối theo số lít cồn nguyên chất

Nguồn: CIEM (2020).

Phụ lục 2: Mô hình thuế của trường đại học Charles Sturt đối với thị trường đồ uống có cồn tại Việt Nam³²

Mô hình thuế đối với ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam đòi hỏi có thể thay đổi/hiệu chỉnh linh hoạt nhằm phản ánh một cách chính xác và phù hợp với các đề xuất chính sách mới, chẳng hạn như đề xuất áp dụng thuế TTĐB hỗn hợp với mức thuế tuyệt đối dựa trên mỗi lít rượu hoặc mỗi lít cồn nguyên chất. Mặt khác, mô hình cũng được xây dựng để phản ánh quá trình chuyển đổi chính sách thuế hiện tại sang bất kỳ chính sách thuế mới nào, cũng như dự đoán tác động của các chính sách mới đó theo lộ trình 5 năm. Xây dựng mô hình lượng hóa chính sách thuế cho thị trường đồ uống có cồn của Việt Nam là một thách thức đáng kể, đặc biệt do sự thiếu minh bạch và khả năng tiếp cận hạn chế đối với dữ liệu chính thống về thị trường và các nhóm sản phẩm đồ uống có cồn, cũng như mức thu thuế đối với các nhóm sản phẩm này. Do đó, để xây dựng mô hình này, các nguồn thông tin từ các tổ chức thương mại, Hiệp hội doanh nghiệp khác cần được tận dụng. Sau đây là một số đặc điểm chính của mô hình:

a) Thu thập dữ liệu thị trường

Một trong những khó khăn chính khi xây dựng mô hình này là nguồn dữ liệu thiếu và khả năng tiếp cận hạn chế đối với các dữ liệu chính thống về thuế, đặc biệt là thuế TTĐB đối với ngành đồ uống có cồn, cũng như đối với từng nhóm sản phẩm đồ uống. Thậm chí không có dữ liệu chính thức nào về sản lượng tiêu thụ đồ uống có cồn phân theo đối tượng chịu thuế TTĐB là bia, rượu trên 20 độ và rượu dưới 20 độ. Hạn chế này đòi hỏi sự cần thiết phải lấy dữ liệu thị trường rượu từ một số đơn vị nghiên cứu thị trường, chủ yếu sử dụng phương pháp khảo sát dựa trên ngành để ước tính quy mô, giá trị của thị trường rượu Việt Nam theo các loại sản phẩm khác nhau. Cụ thể, hai báo cáo phân tích thị trường được lựa chọn để đảm bảo sự tổng quan và đầy đủ của thị trường đồ uống có cồn tại Việt Nam là IWSR và Euromonitor.

b) Tính toán độ co giãn của cầu theo giá

Mô hình thuế này kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đó về thị trường đồ uống có cồn cho rằng nhu cầu về một sản phẩm đồ uống có cồn phụ thuộc vào giá của sản phẩm đồ uống có cồn này, giá của sản phẩm đồ uống có cồn khác và thu nhập hộ gia đình. Việc ước tính các giá trị độ co giãn được thực hiện bằng mô hình Hệ thống hàm cầu gần như lý tưởng (AIDS). Mô hình AIDS được sử dụng nhiều trong tổng quan tài liệu nghiên cứu, như một phương pháp tiếp cận phù hợp, trong đó có tính đến các yếu tố khác tác động đến cầu như xu hướng thay đổi thị hiếu và

³² Mô hình thuế này do trường Đại học Charles Sturt xây dựng. Chi tiết về mô hình xem tại: [https://worldcustomsjournal.org/Archives/Volume%2012%2C%20Number%202%20\(Sep%202018\)/1855%2001%20WCJ%20v12n2%20Preece.pdf](https://worldcustomsjournal.org/Archives/Volume%2012%2C%20Number%202%20(Sep%202018)/1855%2001%20WCJ%20v12n2%20Preece.pdf)

sở thích của người tiêu dùng theo thời gian. Nghiên cứu này đã ước lượng độ co giãn của cầu theo “giá riêng” và “giá chéo” cho 10 loại sản phẩm chính.

c) Xây dựng giá bán sản phẩm (Retail price)

Thiết lập giá bán sản phẩm là khía cạnh quan trọng của mô hình này bởi mối tương tác giữa giá bán sản phẩm và tác động của thuế phải được hiểu đúng, đặc biệt là trong hệ thống thuế tương đối của Việt Nam. Các cấu phần thuế trong giá bán của sản phẩm phải được xác định và mô hình hóa chính xác bởi chính các thành phần này sẽ tạo ra sự thay đổi giá bán sản phẩm khi bất kỳ sự thay đổi chính sách thuế rượu nào được đề xuất, chẳng hạn như thuế hải quan (đối với hàng nhập khẩu), thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế VAT.

Việc xác định giá bán sản phẩm là một trong các khía cạnh khó khăn chủ yếu của mô hình. Điều này xuất phát từ nhiều lý do. Về mặt thương mại, chủ sở hữu sản phẩm giữ bí mật thông tin về các thành phần định giá sản phẩm, chẳng hạn như giá trị CIF (đối với nhà nhập khẩu), chi phí sản xuất và tỷ suất lợi nhuận. Các giá trị này có sự khác biệt giữa các nhóm sản phẩm hoặc thậm chí từ khách hàng này sang khách hàng khác. Một số giả định được áp dụng để xây dựng một “mức giá sản phẩm chung”. Các giả định này gồm: Sử dụng báo cáo nghiên cứu thị trường để ước tính tỷ lệ các thành phần chi phí theo tỷ lệ phần trăm của giá bán lẻ như 'chi phí sản xuất và lợi nhuận', 'lợi nhuận bán buôn' và 'thuế'; Dữ liệu thương mại của Liên Hợp Quốc đối với giá CIF cho từng HS code đối với nhóm sản phẩm bia, rượu vang, rượu brandy, rượu whisky, vodka và 'khác'; Báo cáo nghiên cứu thị trường thực hiện khảo sát về giá bán lẻ.